

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 16 tháng 01 năm 2026
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiệm
Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham phiên tòa:
Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Chị Á hiện đang ở Nhật Bản.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Bá M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Á và anh M đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Bá M đăng ký kết hôn UBND xã Q, huyện H (nay là xã H), tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, chị và anh M chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó, thì cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cho đến

hiện nay càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách của vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Ngày 12/03/2023, chị xuất cảnh đi Nhật Bản theo diện xuất khẩu lao động, vì không gần nhau nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2024. Chị và anh M đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách giải quyết và cũng được gia đình hai bên động viên, hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Bá M.

Về con chung: Chị xác định chị và anh M có 01 con chung là cháu Trần Ánh T, sinh ngày 19/02/2017. Hiện nay, cháu T đang ở cùng anh M. Do hiện nay chị đang đi lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi cháu T trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị và anh M không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Đồng thời, chị ủy quyền cho mẹ đẻ của chị là bà Phạm Thị L, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu A, xã P, tỉnh Phú Thọ thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt cho chị.

Bị đơn là anh Trần Bá M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Ngọc Á đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại UBND xã Q, huyện H (nay là xã H), tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong suy nghĩ và cách sống. Tháng 3/2023, chị Á đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh và chị Á không có thời gian sống gần nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh và chị Á đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến hiện tại. Khi chị Á trở về Việt Nam cũng không liên hệ và quan tâm tới anh. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được anh và chị Á tìm cách giải quyết và hai bên gia đình động viên hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết.

Hiện nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Á đề nghị giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị Á.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Á có 01 con chung là cháu Trần Ánh T, sinh ngày 19/02/2017. Hiện nay, cháu T đang ở cùng anh và bố mẹ anh tại Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ. Do hiện nay chị Á đang lao động tại nước ngoài nên anh

đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng tự lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh và chị Á không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc không thể tiếp tục có mặt tại Tòa án để làm việc nên anh đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tài liệu Tòa án thu thập được: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc Á có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị trong các tài liệu chị giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Tại kết luận giám định số 3997/KL-HS ngày 23/12/2025 của Phòng K, Công an tỉnh P đã kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “Ánh” và các chữ “Nguyễn Ngọc Á” trên các tài liệu: đơn khởi kiện ngày 08/8/2025, đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ngày 8 tháng 8 năm 2025, bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2025, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016 ngày 08/9/2016 của UBND xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Á.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Á và anh Trần Bá M.

Về con chung: Giao cho anh Trần Bá M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ánh T, sinh ngày 19/02/2017 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động. Chị Á không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh M do anh M không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Á và anh M xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Á, anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Trần Bá M nên đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh M có hộ khẩu thường trú tại: Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ theo quy định của khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Chị Á và anh M đều xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Á và anh Trần Bá M đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại UBND xã Q, huyện H (nay là xã H), tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Do vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc Á và anh Trần Bá M là hợp pháp. Về mâu thuẫn của chồng: chị Á và anh M đều xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách giải quyết và cũng được gia đình hai bên động viên, hàn gắn nhưng không có kết quả.

Xét thấy, giữa chị Á và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Á và anh M tự nguyện thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Á và anh M có 01 con chung là cháu Trần Ánh T, sinh ngày 19/02/2017 (đang ở cùng anh M). Khi ly hôn, chị Á và anh M cùng đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động.

Xét thấy: Hiện nay, chị Á đang lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Mặt khác, cháu T vẫn đang ở với anh M. Chị Á và anh M đều có nguyện vọng khi ly hôn, anh M được quyền trực tiếp nuôi con. Vì vậy cần giao cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ánh T cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét anh M tự nguyện không yêu cầu chị Á phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy không buộc chị Á cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M là phù hợp.

[2.3] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị Á và anh M đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Á và anh M mỗi người phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 271, 273, 469 và 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Ngọc Á** và anh **Trần Bá M**.

2. *Về con chung:* Giao cho anh **Trần Bá M** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Trần Ánh T**, sinh ngày 19/02/2017 (đang ở cùng anh **M**) cho đến khi cháu **T** thành niên, có khả năng lao động. Chị **Á** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **M** do anh **M** tự nguyện không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:* chị **Nguyễn Ngọc Á** và anh **Trần Bá M** không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:* Chị **Nguyễn Ngọc Á** phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” 0001666 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị **Nguyễn Ngọc Á** 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh **Trần Bá M** phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị **Á** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh **M** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADSKV5 - Phú Thọ;
- UBND xã H, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Linh